

Số: 4046 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí nhiệm vụ Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Luật: Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 hướng dẫn Luật bảo vệ Môi trường; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 sửa đổi Điều 7; số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và các chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 hướng dẫn Luật bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về định mức lao động các bước công việc điều tra rừng;

Căn cứ Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 6394/STC-TCDN ngày 10/11/2022; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 4635/SNN&PTNT-CCKL ngày 28/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ: Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá.

2. Cơ quan thực hiện: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

3. Phạm vi thực hiện: Trên diện tích rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu với tổng diện tích là 24.200,87 ha và các thôn (bản) và vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

4. Mục tiêu nhiệm vụ

4.1. Mục tiêu chung: Đánh giá được hiện trạng phân bố, tập tính, đặc điểm sinh thái học, thức ăn và sinh cảnh sống của các loài Gấu tại khu bảo tồn; xác định các mối nguy cơ đe dọa; xây dựng được kế hoạch quản lý, bảo tồn đối với loài Gấu, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

4.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao được năng lực điều tra, giám sát và bảo tồn các loài Gấu cho cán bộ Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Xác định được hiện trạng cá thể, phân bố quần thể và sinh cảnh sống; tập tính sinh học, đặc điểm sinh thái, thành phần thức ăn của các loài Gấu trong Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Theo dõi, giám sát tình hình biến động về quần thể, cá thể các loài Gấu có phân bố tự nhiên trong Khu bảo tồn.

- Xác định được các mối nguy cơ đe dọa tác động đến môi trường sống và nguy cơ suy giảm quần thể, cá thể các loài Gấu tại khu bảo tồn.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương các xã vùng đệm về bảo tồn các loài Gấu tại khu bảo tồn.

- Xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất các giải pháp bảo tồn các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- Tư liệu hoá được kết quả điều tra đánh giá thực trạng các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, để làm cơ sở cho việc tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động điều tra và bảo tồn các loài Gấu sau này.

5. Nội dung nhiệm vụ

- Thu thập thông tin, tài liệu liên quan về các loài Gấu (trong đó kể thừa đầy đủ, nghiêm túc kết quả đã nghiên cứu liên quan trên địa bàn tỉnh).

- Tập huấn nâng cao năng lực về điều tra, giám sát và bảo tồn các loài Gấu cho công chức, viên chức, người lao động Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Chuyên đề 1)

- Điều tra hiện trạng, phân bố, đặc điểm quần thể và sinh cảnh sống của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Chuyên đề 2)

- Điều tra, theo dõi chuyên sâu xác định tập tính, đặc điểm sinh học, sinh thái, thành phần thức ăn, sinh cảnh sống, cấu trúc quần thể của các loài Gấu; đảm bảo tính khoa học, tính mới (có so sánh về tính mới, tính đặc thù với kết quả nghiên cứu tại đã thực hiện trên địa bàn tỉnh và kết quả các nghiên cứu khác liên quan) (Chuyên đề 3).

- Điều tra, giám sát các loài Gấu tại các khu vực có phân bố tự nhiên trong khu bảo tồn (Chuyên đề 4)

- Xác định các yếu tố đe dọa đến môi trường sống và nguy cơ suy giảm quần thể các loài Gấu; trọng tâm là nguồn thức ăn, công tác kiểm soát súng săn, dụng cụ săn bắt động vật hoang dã ở các bản vùng đệm tại khu bảo tồn (Chuyên đề 5).

- Xây dựng Kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài Gấu hiện có trong khu bảo tồn (Chuyên đề 6)

- Mua sắm dụng cụ, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ

- Nghiệm thu, tổng kết nhiệm vụ

6. Sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ

6.1. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ: 10 bộ.

6.2. Các báo cáo chuyên đề: 10 bộ.

- *Chuyên đề 1:* Báo cáo kết quả tập huấn nâng cao năng lực về điều tra, giám sát và bảo tồn các loài Gấu cho công chức, viên chức, người lao động Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu .

- *Chuyên đề 2:* Báo cáo kết quả điều tra, xác định hiện trạng, phân bố, đặc điểm quần thể và sinh cảnh sống của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- *Chuyên đề 3:* Báo cáo kết quả xác định tập tính, đặc điểm sinh học, sinh thái, thành phần thức ăn, sinh cảnh sống, cấu trúc quần thể của các loài Gấu, đảm bảo tính khoa học, tính mới của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- *Chuyên đề 4:* Báo cáo kết quả điều tra, giám sát các loài Gấu hiện có trong khu bảo tồn.

- *Chuyên đề 5:* Báo cáo kết quả xác định các yếu tố đe dọa đến môi trường sống và nguy cơ suy giảm cá thể, quần thể các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.

- *Chuyên đề 6:* Kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài Gấu.

6.3. Các sản phẩm khác:

- Cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ ghi nhận các điểm, tuyến, vùng phân bố của các loài Mang tại khu bảo tồn (bản đồ màu tỷ lệ 1/25.000 và cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý).

- Hệ thống mẫu vật, ảnh thu thập được trong quá trình điều tra phục vụ quảng bá, tuyên truyền, giáo dục.

- 01 đĩa DVD lưu trữ toàn bộ tài liệu và các thông tin liên quan đến nhiệm vụ; 2.000 tờ gấp, 2.000 poster và 01 bộ tài liệu tuyên truyền được cấp phát đến cộng đồng.

- 01 video clip giới thiệu về các loài Gấu hiện có.

- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học có uy tín trong nước và Quốc tế.

7. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

7.1. Dự toán kinh phí:

- Kinh phí thực hiện: 2.988 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu đồng*).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

7.2. Phân kỳ thực hiện:

- Năm 2023: 617 triệu đồng.

- Năm 2024: 1.626 triệu đồng.

- Năm 2025: 745 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ cùng với dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2023, 2024, 2025 gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị. Chịu trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ hồ sơ về tài chính, đầu tư và quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung; thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu chịu

trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu thực hiện các nội dung theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung thẩm định đề cương nhiệm vụ được phê duyệt.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để hướng dẫn Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu hoàn chỉnh đầy đủ các thủ tục về tài chính và thanh quyết toán vốn theo đúng các quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung thẩm định nhiệm vụ, dự toán được phê duyệt.

4. Các Sở, đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Quan Hóa, UBND huyện Mường Lát và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu triển khai, đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch UBND các huyện Quan Hóa, Mường Lát; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC127.11.22)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ biểu:

DỰ TOÁN

**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra đánh giá hiện trạng và bảo tồn các loài Gấu tại
Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	LÀM TRÒN				2.988.000.000	617.000.000	1.626.000.000	745.000.000
	TỔNG CỘNG (A+B)				2.987.457.955	616.577.940	1.626.117.043	744.762.973
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				2.802.731.386	568.550.419	1.548.682.898	685.498.069
1	Xây dựng đề cương, dự toán nhiệm vụ				14.803.414	14.803.414		
-	Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến công trình (HSL 3,33)	Công/CT	10	225.532	2.255.318	2.255.318		
-	Xây dựng thuyết minh và dự toán chi phí (HSL 5,42)	Công/CT	16	367.082	5.873.309	5.873.309		
-	Chỉnh sửa nhiệm vụ (HSL 5,42)	Công/CT	3,5	367.082	1.284.786	1.284.786		
-	Vật tư, văn phòng phẩm	Trộn gói	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ đi thẩm định, phê duyệt (02 người x 5 ngày)	Ngày	10	150.000	1.500.000	1.500.000		
-	Phòng nghỉ cho cán bộ đi thẩm định, phê duyệt	Ngày/phòng	5	450.000	2.250.000	2.250.000		
-	Phô tô, in ấn đóng cuốn tài liệu (nhiệm vụ)	Cuốn	8	80.000	640.000	640.000		
2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ điều tra				76.800.000	76.800.000		
-	Máy bẫy ảnh Bushnell Trophy 16 MP	Chiếc	5	10.000.000	50.000.000	50.000.000		
-	Bạt (220cmx240cm)	Tấm	6	250.000	1.500.000	1.500.000		
-	Võng kèm màn	Chiếc	8	950.000	7.600.000	7.600.000		

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Đèn pin	Cái	9	600.000	5.400.000	5.400.000		
-	Ba lô	Cái	8	600.000	4.800.000	4.800.000		
-	Giày đi rừng	Đôi	30	150.000	4.500.000	4.500.000		
-	Tất đi rừng	Đôi	60	50.000	3.000.000	3.000.000		
3	Tập huấn nâng cao năng lực về điều tra, giám sát và bảo tồn các loài Gấu cho công chức, viên chức, người lao động khu bảo tồn (Chuyên đề 1) (03 ngày x 25 người)				27.900.000	27.900.000		
-	Thuê giảng viên (2 người x 3 ngày); biên soạn thảo tài liệu tập huấn và tập huấn	Người	6	500.000	3.000.000	3.000.000		
-	In ấn, phô tô tài liệu	Bộ	25	20.000	500.000	500.000		
-	Nhà nghỉ cho giảng viên (3 ngày)	Đêm/phòng	3	450.000	1.350.000	1.350.000		
-	Nhà nghỉ cho học viên ở xa tham gia hội nghị (trên địa bàn huyện Mường Lát, 3 ngày x 10 người x 2 người/phòng)	Phòng	15	450.000	6.750.000	6.750.000		
-	Người phục vụ hội nghị (01 người)	Ngày	3	200.000	600.000	600.000		
-	Hỗ trợ xăng xe, đi lại cho học viên	Người	40	150.000	6.000.000	6.000.000		
-	Phụ cấp lưu trú cho học viên ở xa (trên địa bàn huyện Mường Lát, 10 người x 3 ngày)	Người	30	200.000	6.000.000	6.000.000		
-	Trang trí, ma kết	Hội nghị	1	700.000	700.000	700.000		
-	Chè nước phục vụ hội nghị (25 người x 3 ngày)	Người	75	40.000	3.000.000	3.000.000		
4	Điều tra hiện trạng phân bố quần thể của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Chuyên đề 2)				623.473.341	449.047.005	174.426.336	
4.1	<i>Điều tra thực địa xác định hiện trạng phân bố quần thể (trên 30 tuyến dài 6km/tuyến và 90 điểm điều tra (3 điểm/tuyến))</i>				<i>449.047.005</i>	<i>449.047.005</i>		

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Can vẽ bản đồ ngoại nghiệp (0,00125 công/ha x 24.200,87 ha; HSL 2,41)	Công	30,25109	163.223	4.937.665	4.937.665		
-	Mở tuyến, điều tra (3,3công/km x 180 km; HSL 2,06)	Công	594	139.518	82.873.800	82.873.800		
-	Công đi điều tra tuyến (2,87công/km x 180 km; HSL 5,08)	Công	516,6	344.055	177.738.578	177.738.578		
-	Xử lý số liệu điều tra tuyến (0,17công/km x 180 km; HSL 3,66)	Công	30,6	247.882	7.585.184	7.585.184		
-	Công điều tra điểm (0,5 công/điểm x 90 điểm; HSL 3,46)	Công	45	234.336	10.545.136	10.545.136		
-	Khoanh vẽ bản đồ phân bố thực địa (0,02công/ha x 24.200,87 ha; HSL 3,26)	Công	484,0174	220.791	106.866.642	106.866.642		
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ (3 người/tuyến x 30 tuyến x 3 ngày/tuyến)	Ngày	270	200.000	54.000.000	54.000.000		
-	Thuốc phòng	CT	01	2.000.000	2.000.000	2.000.000		
-	In ấn, phô tô phiếu biểu, văn phòng phẩm phục vụ điều tra	Trọn gói	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000		
4.2	<i>Điều tra ngoại nghiệp bằng phương pháp đặt bẫy ảnh (08 đợt, 30 ngày/đợt)</i>				138.553.164		138.553.164	
-	Hỗ trợ điều tra viên đi đặt bẫy ảnh (12 người x 1 ngày, HSL 3,33; x 8 đợt)	Ngày	96	225.532	21.651.055		21.651.055	
-	Hỗ trợ điều tra viên đi kiểm tra, thay pin bẫy ảnh (12 người x 1 ngày, HSL 3,33 x 8 đợt)	Ngày	96	225.532	21.651.055		21.651.055	
-	Hỗ trợ điều tra viên đi thu bẫy ảnh (12 người x 1 ngày; HSL 3,33 x 8 đợt)	Ngày	96	225.532	21.651.055		21.651.055	
-	Hỗ trợ xăng xe cho điều tra viên đi đặt bẫy ảnh, thay pin và thu bẫy ((12 người x 3 lượt/đợt) x 8 đợt)	Người	288	200.000	57.600.000		57.600.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Văn phòng phẩm, pin máy ảnh	cuộc	8	2.000.000	16.000.000		16.000.000	
4.3	<i>Xây dựng bản đồ hiện trạng, phân bố</i>				23.275.900		23.275.900	
-	Xây dựng, biên tập bản đồ hiện trạng, phân bố tại khu bảo tồn (54 công/BĐ, HSL 3,63)	Bản đồ	1	13.275.900	13.275.900		13.275.900	
-	In ấn 10 bộ Bản đồ màu (tỷ lệ 1:25.000)	Bản đồ	10	1.000.000	10.000.000		10.000.000	
4.4	<i>Xây dựng Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng phân bố quần thể và sinh cảnh sống của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.</i>	Báo cáo	1	12.597.273	12.597.273		12.597.273	
5	Theo dõi, xác định tập tính, đặc điểm sinh học, sinh thái, thành phần thức ăn, sinh cảnh sống, cấu trúc quần thể của các loài Gấu, đảm bảo tính khoa học, tính mới của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu (Chuyên đề 3)				136.547.273		136.547.273	
5.1	<i>Theo dõi xác định tập tính, đặc điểm sinh học, sinh thái, thành phần thức ăn và sinh cảnh sống của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu</i>				123.950.000		123.950.000	
-	Xây dựng phiếu biểu	Bộ	1	750.000	750.000		750.000	
-	Hỗ trợ chuyên gia theo dõi ngoài thực địa (02 người x 12 tháng x 5 ngày/tháng)	Ngày	120	400.000	48.000.000		48.000.000	
-	Hỗ trợ điều tra viên là cán bộ Kiểm lâm (02 người)	Ngày	120	200.000	24.000.000		24.000.000	
-	Văn phòng phẩm, phiếu biểu phục vụ theo dõi	Trọn gói	1	2.000.000	2.000.000		2.000.000	
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ, làm lều trại, chuẩn bị lương thực (4 người x 60 ngày)	Ngày	240	200.000	48.000.000		48.000.000	
-	Thuốc phòng	CT	01	1.200.000	1.200.000		1.200.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
5.2	<i>Xây dựng Báo cáo kết quả theo dõi xác định tập tính, đặc điểm sinh học, sinh thái, thành phần thức ăn, cấu trúc quần thể của các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.</i>	<i>Báo cáo</i>	<i>1</i>	<i>12.597.273</i>	<i>12.597.273</i>		<i>12.597.273</i>	
6	Điều tra, giám sát các loài Gấu tại các khu vực có phân bố tự nhiên trong Khu bảo tồn (Chuyên đề 4)				1.261.295.540		603.414.743	657.880.797
6.1	<i>Điều tra, giám sát thực địa (15 tuyến; 6km/tuyến và 45 điểm; 03 điểm/tuyến)</i>				<i>1.248.698.267</i>		<i>603.414.743</i>	<i>645.283.524</i>
-	Xây dựng bộ phiếu biểu điều tra, giám sát	Bộ	1	750.000	750.000		750.000	
-	Can vẽ bản đồ ngoại nghiệp (0,00125c/ha x 24.200,87 ha; HSL 2,41)	Công	30	163.223	4.937.665		4.937.665	
-	Phân tích, lựa chọn tuyến giám sát (HSL 4,65)	Công	2	314.932	629.864		629.864	
-	Chọn, lập Ô tiêu chuẩn (diện tích ÔTC 2.000m ² ; 2 công/ÔTC x 45 ÔTC; HSL 3,46)	Công	90	234.336	21.090.273		21.090.273	
-	Công đi điều tra, giám sát theo tuyến (3công/km x 90km x 4 lần; HSL 5,08)	Công	1.080	344.055	371.578.909		185.789.455	185.789.455
-	Công đi điều tra ÔTC (11công/ô x 45 ôtc x 4 lần; HSL 4,32)	Công	1.980	292.582	579.312.000		289.656.000	289.656.000
-	Xử lý số liệu điều tra, giám sát theo tuyến (0,17công/km x 90 km x 4 lần; HSL 3,66)	Công	61	247.882	15.170.367		7.585.184	7.585.184
-	Xử lý số liệu điều tra ôtc (0,125 công/ô x 45 ôtc x 4 lần; HSL 4,65)	Công	23	314.932	7.085.966		3.542.983	3.542.983
-	Khoanh vẽ bổ sung bản đồ phân bố thực địa (0,02 công/ha x 24.200,87 ha x 2 lần; HSL 3,26)	Công	484	220.791	106.866.642		53.433.321	53.433.321

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Thuê người dân dẫn đường, vác đồ, hậu cần (3 người/tuyến x 2 ngày/tuyến x 4 đợt)	Ngày	360	200.000	72.000.000		36.000.000	36.000.000
-	Đặt bẫy ảnh 4 đợt (30 ngày/đợt)							
+	Hỗ trợ điều tra viên đi đặt bẫy ảnh (12 người x 1 ngày x 4 đợt; HSL 3,33)	ngày	48	225.532	10.825.527			10.825.527
+	Hỗ trợ điều tra viên đi thu bẫy ảnh (12 người x 1 ngày x 4 đợt, HSL 3,33)	ngày	48	225.532	10.825.527			10.825.527
+	Hỗ trợ điều tra viên đi kiểm tra, thay pin bẫy ảnh (12 người x 1 ngày x 4 lần, HSL 3,33)	ngày	48	225.532	10.825.527			10.825.527
+	Hỗ trợ xăng xe đi đặt bẫy, thay pin và thu bẫy (36 người x 4 đợt)	Người	144	200.000	28.800.000			28.800.000
-	Văn phòng phẩm, pin bẫy ảnh	Cuộc	4	2.000.000	8.000.000			8.000.000
6.2	<i>Xây dựng Báo cáo kết quả điều tra, giám sát các loài Gấu tại các khu vực có phân bố tự nhiên trong Khu bảo tồn.</i>	<i>Báo cáo</i>	<i>1</i>	<i>12.597.273</i>	<i>12.597.273</i>			<i>12.597.273</i>
7	Xác định các yếu tố đe dọa đến môi trường sống và nguy cơ suy giảm quần thể các loài Gấu (Chuyên đề 5)				118.897.273		118.897.273	
-	Phô tô phiếu biểu điều tra phỏng vấn (phiếu/người x bình quân 30 người/thôn x 54 thôn bản)	Phiếu	1620	5.000	8.100.000		8.100.000	
-	Xăng dầu đi lại cho điều tra viên	Bản	54	200.000	10.800.000		10.800.000	
-	Hỗ trợ điều tra viên (1 người x 1 ngày/bản x 54 bản)	Ngày	54	200.000	10.800.000		10.800.000	
-	Hỗ trợ người cung cấp thông tin (30 người/bản x 54 thôn bản)	Người	1620	40.000	64.800.000		64.800.000	
-	Văn phòng phẩm	Trọn gói	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000	
-	Thuê người dẫn đường, phiên dịch tiếng dân tộc (01 người x 01 ngày x 54 bản)	Ngày	54	200.000	10.800.000		10.800.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Xây dựng Báo cáo kết quả xác định các yếu tố đe dọa đến môi trường sống và nguy cơ suy giảm cá thể, quần thể các loài Gấu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu.	Báo cáo	1	12.597.273	12.597.273		12.597.273	
8	Xây dựng Kế hoạch hành động bảo tồn và đề xuất các giải pháp bảo tồn đối với các loài Gấu (Chuyên đề 6)				154.197.273		143.647.273	10.550.000
8.1	<i>Xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp bảo tồn</i>	<i>Báo cáo</i>	<i>1</i>	<i>12.597.273</i>	<i>12.597.273</i>		<i>12.597.273</i>	
8.2	<i>Hội nghị lấy ý kiến hoàn thiện bản kế hoạch</i>				<i>10.550.000</i>		<i>10.550.000</i>	
-	In ấn, phô tô tài liệu	Bộ	50	15.000	750.000		750.000	
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000	
-	Hỗ trợ xăng xe đi lại cho đại biểu	Người	50	150.000	7.500.000		7.500.000	
-	Ma kết, trang trí	Bộ	1	300.000	300.000		300.000	
-	Chi phí nước phục vụ hội nghị (01 buổi)	người	50	20.000	1.000.000		1.000.000	
8.3	<i>Tổ chức 10 Hội nghị triển khai thực hiện kế hoạch bảo tồn các loài Gấu và ký kết phối hợp giữa các lực lượng trong việc ngăn chặn dứt điểm tình trạng xâm hại đến các loài Gấu trên địa bàn 10 xã vùng đệm Khu bảo tồn (08 người gồm cán bộ xã, Công an xã, Kiểm lâm địa bàn, Kiểm lâm Khu bảo tồn và 42 người không hưởng lương)</i>				<i>120.500.000</i>		<i>120.500.000</i>	
-	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch				120.500.000		120.500.000	
+	In ấn, phô tô tài liệu (50 người/hội nghị/xã)	bộ	500	15.000	7.500.000		7.500.000	
+	Thuê hội trường	HN	10	1.000.000	10.000.000		10.000.000	
+	Ma kết, trang trí	Bộ	10	300.000	3.000.000		3.000.000	
+	Chi phí nước phục vụ hội nghị (bình quân 50	Người	500	20.000	10.000.000		10.000.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	người x 01 buổi)							
+	Chi phụ cấp lưu trú cho đại biểu không hưởng lương tham gia hội nghị (42 người/hội nghị)	Người	450	200.000	90.000.000		90.000.000	
8.4	<i>Hội nghị tổng kết, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo tồn các loài Gấu.</i>	Hội nghị			10.550.000			10.550.000
-	In ấn, phô tô tài liệu	Bộ	50	15.000	750.000			750.000
-	Thuê hội trường	Ngày	1	1.000.000	1.000.000			1.000.000
-	Hỗ trợ xăng xe đi lại cho đại biểu	Người	50	150.000	7.500.000			7.500.000
-	Ma kết, trang trí	hội nghị	1	300.000	300.000			300.000
-	Chi phí nước phục vụ hội nghị (bình quân 50 người x 01 buổi)	Người	50	20.000	1.000.000			1.000.000
9	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chính quyền địa phương về bảo tồn các loài Gấu tại khu bảo tồn				388.817.273		371.750.000	17.067.273
9.1	<i>Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ký cam kết và triển khai kế hoạch hành động, đề xuất giải pháp bảo tồn loài Gấu tại khu bảo tồn (40 thôn, bản trọng điểm)</i>				208.750.000		208.750.000	
-	Biên soạn tài liệu tuyên truyền	Bộ	1	750.000	750.000		750.000	
-	Chi phí chè nước phục vụ 40 hội nghị (Bình quân 50 người/hội nghị x 20.000đ/người)	Người	2.000	20.000	40.000.000		40.000.000	
-	Ma kết, trang trí	Hội nghị	40	300.000	12.000.000		12.000.000	
-	Hỗ trợ báo cáo viên (1 công/bản x 40 bản)	Người	40	300.000	12.000.000		12.000.000	
-	Chi phiên dịch tiếng địa phương (01 công/bản)	Công	40	200.000	8.000.000		8.000.000	
-	Văn phòng phẩm bị phục vụ hội nghị	Hội nghị	40	200.000	8.000.000		8.000.000	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
-	Hỗ trợ người dân tham gia (Bình quân 50 người /hội nghị x 40 hội nghị x 50.000 đ/ người)	Người	2.000	50.000	100.000.000		100.000.000	
-	Phô tô, in ấn tài liệu tuyên truyền, bản cam kết 40 bản (bình quân 50 hộ/bản)	Bộ	2.000	10.000	20.000.000		20.000.000	
-	Hỗ trợ xăng xe cho cán bộ thực hiện	Bản	40	200.000	8.000.000		8.000.000	
9.2	<i>Xây dựng tư liệu thông tin (phần mềm, video clip) về các loài Gấu tại khu bảo tồn</i>				163.000.000		163.000.000	
-	Thuê thiết kế tờ rơi, poster	Trọn gói	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	
-	In tờ rơi, tập gấp	Tờ	2.000	20.000	40.000.000		40.000.000	
-	In ấn poster, video clip tuyên truyền	Bản	2.000	60.000	120.000.000		120.000.000	
9.3	<i>Đăng tải bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học có uy tín trong nước và Quốc tế</i>				17.067.273			17.067.273
-	Thuê chuyên gia tổng hợp, xử lý số liệu và xây dựng bài báo khoa học	Báo cáo	1	12.597.273	12.597.273			12.597.273
-	Thù lao cho chuyên gia đăng tải bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế.	Bài báo	1	4.470.000	4.470.000			4.470.000
B	CHI PHÍ KHÁC				184.726.569	48.027.521	77.434.145	59.264.903
1	Thành lập Hội đồng nghiệm thu, tổng kết nhiệm vụ				24.990.000			24.990.000
1.1	<i>Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ (Báo cáo chính và tóm tắt)</i>	Báo cáo	1	10.000.000	10.000.000			10.000.000
1.2	<i>Tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh</i>				14.990.000			14.990.000
+	Chủ tịch hội đồng	Người /buổi	1	1.200.000	1.200.000			1.200.000
+	Thành viên hội đồng, thư ký	Người /buổi	8	800.000	6.400.000			6.400.000

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân kỳ thực hiện		
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
+	Thư ký hành chính	Người /buổi	1	240.000	240.000			240.000
+	Đại biểu mời tham dự	Người /buổi	8	160.000	1.280.000			1.280.000
+	Phiếu của thành viên hội đồng	Phiếu	8	400.000	3.200.000			3.200.000
+	Phiếu của uỷ viên phân biện	Phiếu	2	560.000	1.120.000			1.120.000
+	Phô tô, in ấn báo cáo tổng kết	Bộ	15	40.000	600.000			600.000
+	Chè nước phục vụ hội nghị	Người	15	20.000	300.000			300.000
+	Nhân viên phục vụ	Người /buổi	1	150.000	150.000			150.000
+	Market, trang trí	Buổi	1	500.000	500.000			500.000
2	Quản lý nhiệm vụ (5%)				140.136.569	28.427.521	77.434.145	34.274.903
3	Tư vấn đấu thầu				17.600.000	17.600.000		
-	Lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất	GT	4	2.200.000	8.800.000	8.800.000		
-	Thẩm định hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	GT	4	2.200.000	8.800.000	8.800.000		
4	Thẩm định giá tài sản	Nhiệm vụ	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000		